

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án Quản lý sản xuất dăm gỗ giai đoạn 2014-2020

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 8/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-BNN-TCLN ngày 5/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch hành động Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến giai đoạn 2014 – 2020;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án Quản lý sản xuất dăm gỗ giai đoạn 2014-2020, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu chung: Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, chế biến dăm gỗ xuất khẩu, hạn chế tối đa việc sử dụng nguyên liệu gỗ khai thác từ rừng trồng để sản xuất dăm gỗ, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm chế biến từ gỗ rừng trồng khai thác trong nước, nâng cao thu nhập cho người dân trồng rừng, góp phần xóa đói giảm nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2014 -2015: sử dụng không quá 70% sản lượng gỗ nguyên liệu khai thác từ rừng trồng để sản xuất dăm gỗ, tăng giá trị gia tăng trên 01m³ nguyên liệu gỗ khoảng 14% so với năm 2013.

- Giai đoạn 2016-2020: sử dụng không quá 40% sản lượng gỗ nguyên liệu khai thác từ rừng trồng để sản xuất dăm gỗ. Tập trung phát triển các sản phẩm có

ưu thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao như đồ gỗ nội thất, đồ gỗ ngoài trời, đồ mộc mỹ nghệ. Tăng giá trị gia tăng trên 01m³ nguyên liệu gỗ khoảng 54% so với năm 2013.

II. ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT DẪM GỖ

1. Định hướng chung

Đối với các vùng: Tây Bắc bộ, Đồng bằng Sông Hồng, Tây Nguyên, Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Vùng Đông Nam bộ: không phát triển cơ sở sản xuất dăm gỗ. Từng bước hạn chế các cơ sở sản xuất dăm gỗ ở 3 vùng: Đông Bắc bộ, Bắc Trung bộ và Nam Trung bộ với sản lượng khoảng 5,5 triệu tấn trong giai đoạn 2014-2015 và 3,5 triệu tấn ở giai đoạn 2016-2020.

2. Định hướng cụ thể

2.1. Đến năm 2015

- Vùng Đông Bắc bộ: sản xuất dăm gỗ tối đa khoảng 2,6 triệu tấn/năm.
- Vùng Bắc Trung bộ: sản xuất dăm gỗ tối đa khoảng 1,1 triệu tấn/năm.
- Vùng Nam Trung bộ: sản xuất dăm gỗ tối đa khoảng 1,8 triệu tấn/năm.

2.2. Đến năm 2020

- Vùng Đông Bắc bộ: sản xuất dăm gỗ tối đa khoảng 1,5 triệu tấn/năm.
- Vùng Bắc Trung bộ: sản xuất dăm gỗ tối đa khoảng 1,0 triệu tấn/năm.
- Vùng Nam Trung bộ: sản xuất dăm gỗ tối đa khoảng 1,0 triệu tấn/năm.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả các cơ sở sản xuất dăm gỗ

- Đối với các vùng: Tây Bắc bộ, Đồng bằng Sông Hồng, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long: tạm dừng phê duyệt dự án xây dựng mới cơ sở sản xuất dăm gỗ. Khuyến khích các cơ sở sản xuất dăm gỗ hiện có đầu tư chế biến sau dăm, nếu không thực hiện được thì phải ngừng sản xuất;

- Đối với các vùng: Đông Bắc bộ, Bắc Trung bộ và Nam Trung bộ hạn chế phê duyệt đầu tư mới cơ sở sản xuất dăm gỗ, chỉ xem xét trong trường hợp những dự án có đầu tư chế biến sau dăm gỗ ở giai đoạn từ năm 2016-2020, nhưng phải có thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ tình hình thực tế nguyên liệu trên địa bàn, các địa phương, điều chỉnh quy mô sản xuất dăm gỗ, sản phẩm chế biến phù hợp.

2. Phát triển chế biến sản phẩm gỗ

- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư chế biến gỗ, đề đến năm 2020: các cơ sở sản xuất ván sợi MDF, ván dăm và viên nén chất đốt đi vào sản xuất với sản lượng khoảng đạt khoảng 2,5 triệu tấn sản phẩm/năm và thúc đẩy các nhà máy giấy đạt khoảng 750 nghìn tấn bột giấy/năm, tiêu thụ khoảng 6,5

triệu m³ gỗ nhỏ. Phát triển thêm các cơ sở sản xuất ghép thanh và các loại ván nhân tạo khác và các vật liệu hỗ trợ trong chế biến gỗ.

- Xây dựng và mở rộng các cơ sở chế biến gỗ ở các khu vực có thuận lợi về cơ sở hạ tầng. Thu hút, khuyến khích đầu tư xây dựng mới các cơ sở chế biến sản phẩm gỗ ở khu vực vùng sâu, vùng xa có nhiều nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng.

3. Về thị trường

- Duy trì ổn định các thị trường hiện có (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU...) và phát triển các thị trường mới như Nga, Trung Đông,... Từng bước xây dựng mạng lưới phân phối sản phẩm gỗ Việt Nam tại nước ngoài. Tổ chức các hội chợ chuyên ngành, phát triển thị trường nội địa.

- Triển khai đàm phán ký kết các hiệp định song phương và đa phương, xúc tiến thương mại, hướng vào các thị trường lớn. Hỗ trợ về thông tin thị trường, định hướng cho các doanh nghiệp chủ động thích ứng và hạn chế những tác động bất lợi do rào cản thương mại và chính sách bảo hộ của các thị trường xuất khẩu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm tạo ra sự cạnh tranh công bằng cho các sản phẩm gỗ đã công bố về chất lượng, ghi nhãn và ổn định thị trường nội địa.

4. Về chính sách

Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách:

- Chính sách thuế: Tăng thuế xuất khẩu dăm gỗ từ 0% hiện nay lên từ 5-10%. Áp mức thuế giá trị gia tăng là 10% và thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, đối với doanh nghiệp sản xuất dăm gỗ.

- Chính sách tín dụng: Xây dựng chính sách tín dụng đối với chủ rừng có cam kết trồng mới rừng kinh doanh gỗ lớn hoặc giữ lại rừng đã trồng kéo dài thời gian chăm sóc để kinh doanh gỗ lớn tối thiểu là 10 năm với cơ chế: cho chủ rừng được thế chấp rừng vay vốn đầu tư cho trồng, chăm sóc tối thiểu bằng chu kỳ trồng rừng, với lãi suất ưu đãi không quá 5%/năm, trả tiền gốc và lãi 01 lần sau khi khai thác. Đối với cá nhân, tổ chức đã có rừng trồng từ 5 tuổi trở lên, nếu giữ lại để kinh doanh gỗ lớn (trên 10 năm) thì hỗ trợ thêm tiền bảo vệ (200.000 đồng/ha/năm).

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

+ Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp, nông thôn phát triển các cơ sở chế biến sử dụng gỗ rừng trồng (theo quy định) trong nước để sản xuất các sản phẩm mộc có giá trị cao tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trong 5 năm đầu khi bắt đầu sản xuất, với cơ chế: hoàn lại toàn bộ thuế giá trị gia tăng, miễn tiền thuê đất khi xây dựng nhà máy, hỗ trợ 50% cước phí vận chuyển nguyên liệu;

+ Hỗ trợ đầu tư, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới cho sản xuất nguyên liệu phù trợ, phục vụ trong chế biến xuất khẩu gỗ.

5. Về khoa học công nghệ

- Tập trung nghiên cứu, chuyển giao khoa học-công nghệ, nhất là các đề tài, dự án về thiết kế sản phẩm, vật liệu phụ trợ.
- Xây dựng các trung tâm nghiên cứu, thiết kế mẫu mã sản phẩm gỗ từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ của Nhà nước.
- Nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật về biến tính gỗ nhằm nâng cao khả năng sử dụng gỗ rừng trồng kích thước nhỏ, tạo nguyên liệu chất lượng cao để chế biến sản phẩm đồ gỗ có giá trị.

6. Về vốn thực hiện

Tổng vốn dự kiến thực hiện Phương án là 7.500 triệu đồng, cụ thể:

- Kinh phí cho công tác quản lý, tổ chức thực hiện Phương án và kiểm tra định kỳ hàng năm (giai đoạn 2015-2020) các cơ sở chế biến gỗ và sản phẩm gỗ trên toàn quốc: 1.000 triệu đồng.
- Kinh phí cho công tác xây dựng chính sách hỗ trợ và khuyến khích chế biến gỗ và sản phẩm gỗ sâu; chính sách quản lý sử dụng nguồn nguyên liệu và nâng cao giá trị chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp; chính sách quản lý rừng bền vững và khoa học kỹ thuật: 1.500 triệu đồng.
- Các dự án ưu tiên về đánh giá thực trạng sản xuất dăm gỗ và cơ cấu sản phẩm gỗ và sản phẩm của gỗ trên toàn quốc: 5.000 triệu đồng.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Đối với Tổng cục Lâm nghiệp

- Tổ chức thu thập, xử lý, tổng hợp tình hình, tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế Phương án.
- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh hướng dẫn việc triển khai Phương án, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.
- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu và trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp/cơ sở chế biến gỗ sâu/tinh sử dụng hết nguyên liệu gỗ từ rừng trồng, từng bước giảm dần tỷ trọng nhập khẩu gỗ nguyên liệu và khai thác gỗ từ rừng tự nhiên trong nước.
- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ các chủ rừng thực hiện quản lý rừng bền vững đạt chứng chỉ cho gỗ nguyên liệu đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế.

2. Đối với các địa phương

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai quán triệt nội dung Phương án một cách đầy đủ, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo cụ thể trong tổ chức thực hiện Phương án, đồng thời triển khai các công việc cụ thể sau:

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy hoạch chế biến gỗ của mình trên cơ sở Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Bộ phê duyệt tại Quyết định số 2728/QĐ-BNN-CB ngày 31/10/2012.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất dăm gỗ gắn với vùng nguyên liệu theo định hướng đã xác định theo Phương án.

- Báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương; KHĐT; Tài Chính; KH&CN; TN&MT;
- Bộ trưởng và Thủ trưởng;
- Các Cục, Vụ: Chế biến NLT sản và Nghề muối; KH; TC; PC; KHCN;
- Các hội, hiệp hội chế biến gỗ;
- Trung tâm tin học Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 2104/ SY-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2014

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- PVP NN, K13;
- Lưu: VT (05).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi